

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/DS-PT

Ngày: 09-6-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng thuê mặt
bằng và yêu cầu bồi thường thiệt
hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 9/3A quốc lộ 1, khu phố 3, phường 2, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số 06, Rạch Gầm, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Hòa Trí, xã Long Khánh, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Chương X, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 18, đường P, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1

3.2. NLQ2

3.3. NLQ3

3.4. NLQ4

3.5. NLQ5

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Quốc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2021 của nguyên đơn ông Phạm Quốc V và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Ngày 01 tháng 01 năm 2019, ông Chương X có làm hợp đồng cho ông V thuê mặt bằng đất trống để sửa ô tô, tọa lạc tại ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, thời hạn thuê là 03 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022. Giá thuê là 12.000.000 đồng/năm, ông V trả tiền năm đầu còn 02 năm sau trả tiền nhưng ông X không nhận. Do nền đất thấp nên ông V có đổ đất và gạch vụn để sang lấp mặt bằng.

Nay ông V yêu cầu ông X thanh toán phần đất sang lấp với giá trị công trình xây dựng trên đất theo giá của chứng thư định giá của Công ty Cổ phần đầu tư và thẩm định giá hội nhập ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 56.783.000 đồng và bồi thường thiệt hại trong thời gian 02 năm ngưng hoạt động, số tiền được tính như sau: 15.000.000 đồng x 24 tháng = 360.000.000 đồng; Chi phí di dời các thiết bị, dụng cụ làm nghề là 20.000.000 đồng; Tổng cộng là 436.783.000 đồng.

Đối với số tiền ông X tự nguyện hỗ trợ cho ông V do vi phạm hợp đồng là 12.000.000 đồng, ông V không đồng ý nhận. Ông V đồng ý giao lại toàn bộ phần đất sang lấp và công trình xây dựng trên đất cho ông X được quyền sở hữu như thỏa thuận tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Bị đơn ông Chương X trình bày: Năm 2014, ông có cho ông V thuê mặt bằng nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2019 mới làm hợp đồng, thuê mặt bằng là đất trống, tại thửa đất số 454, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, mục đích để tu sửa X ô tô, thời hạn thuê là 03 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022. Giá thuê là 12.000.000 đồng/năm, ông V đã trả tiền thuê được 01 năm, còn 02 năm chưa thanh toán. Từ năm 2014, ông V sang lấp, nâng mặt bằng và xây nhà tạm, kéo điện, nước, làm hàng rào B40 sử dụng đến nay. Đến ngày 04 tháng 9 năm 2019 ông X, bà Mai chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho ông Điền, bà Phụng nhưng không thông báo cho ông V biết và khi ông V đến thanh toán tiền thuê năm tiếp theo thì ông X mới thông báo nên không nhận tiền thuê nhưng vẫn để ông V tiếp tục ở đến khi hết thời hạn của hợp đồng. Trong quá trình thuê, ông

V có đồ đất nâng nền, xây dựng công trình nhưng không báo nhưng đến nay ông X không phản đối. Ông X đồng ý nhận toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng như phần đất san lấp theo như thỏa thuận tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường và thống nhất hoàn trả cho ông V số tiền san lấp mặt bằng theo như chứng thư thẩm định giá ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 56.783.000 đồng; đồng thời hỗ trợ bồi thường cho ông V thêm số tiền là 12.000.000 đồng, còn lại các khoản yêu cầu bồi thường khác 380.000.000 đồng thì ông X không đồng ý vì ông V chỉ ở, không có kinh doanh nên không mất thu nhập.

NLQ5 có lời trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông X.

NLQ4 trình bày: Phía NLQ2, NLQ3 chỉ thể chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng, không thể chấp tài sản trên đất. Phía ngân hàng cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

NLQ1 có ý kiến: Tại văn bản số 226/CV-CCTHADS ngày 10 tháng 5 năm 2021 xác định Chi cục THADS thị xã Kiến Tường có ban hành quyết định số 23/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 9 năm 2020 kê biên thửa đất số 454, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An nhưng đến ngày 21 tháng 01 năm 2021 các đương sự thỏa thuận nên đã có quyết định giải tỏa kê biên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 472, 481, 482, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông X về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Buộc ông X có nghĩa vụ thanh toán cho ông V số tiền là 56.783.000 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông X về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và yêu cầu bồi thường thiệt hại” số tiền là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng).

Về chi phí tố tụng buộc ông X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông V số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông V phải chịu số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009609 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã

Kiến Tường. Ông V còn phải tiếp tục nộp số tiền là 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc ông X phải chịu 2.839.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông X phải bồi thường cho ông V số tiền 380.000.000 đồng, bao gồm:

- Thiệt hại do ngưng hoạt động trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022 do chủ đất mới ngăn cản cơ sở ông V bị mất thu nhập mỗi tháng là 15.000.000 đồng x 24 tháng = 360.000.000 đồng.

- Chi phí di dời máy móc, đồ nghề: 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại nguyên đơn thay đổi một phần kháng cáo, không yêu cầu ông X trả số tiền chi phí di dời máy móc, đồ nghề 20.000.000 đồng; yêu cầu ông X bồi thường số tiền mất thu nhập là 360.0000.000 đồng; bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

Ông Giáp, bà Thúy trình bày: Ông V yêu cầu ông X bồi thường căn cứ vào chứng cứ xác nhận ông V trước đây có đi làm thuê được trả 15.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian 03 năm thuê mặt bằng nhưng chỉ sử dụng được 01 năm, 02 năm còn lại mất thu nhập lý do trong thời gian còn hợp đồng thuê mà ông X đã chuyển nhượng đất trên cho bà Phượng và ông Điền, tài sản thế chấp Ngân hàng dẫn đến nợ phải kê biên làm ảnh hưởng đến uy tín làm ăn của ông V. Khi thuê mặt bằng ông V thuê 04 thợ và 01 tạp vụ, đã ứng lương cho mỗi người 04 tháng x 3.000.000 đồng/tháng là 12.000.000 đồng nhưng ông V chỉ yêu cầu bồi thường tính theo mức giá tiền công mà trước đây ông V được thuê trả lương là chỉ tính một phần thiệt hại nên đây là chi phí yêu cầu phù hợp. Án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của ông V số tiền 360.000.000 đồng là không đúng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện Xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông V yêu cầu ông X bồi thường thiệt hại trong thời gian 02 năm với số tiền là 360.000.000 đồng. Ông V thuê mặt bằng trong thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, giá thuê 12.000.000 đồng/năm. Ông V thanh toán tiền thuê được 01 năm và đến nay ông V còn sử dụng mặt bằng thuê mặc dù thời gian thuê đã hết và

ông V ngưng trả tiền thuê mặt bằng 02 năm nhưng ông X cũng không yêu cầu. Ông V cho rằng từ việc ông X chuyển nhượng dẫn đến tài sản bị kê biên ảnh hưởng đến uy tín làm ăn, mất thu nhập nhưng không có căn cứ để chứng minh. Chỉ cục thi hành án chưa tiến hành tổ chức kê biên nên chưa trực tiếp gây ra thiệt hại. Vì vậy, Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu này là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án của đương sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, cần tuyên bổ sung.

Từ những điểm trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V. Căn cứ khoản 2 Điều 308 sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông V kháng cáo hợp lệ nên vụ án được Xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa ông V thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 360.000.000 đồng. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Ngày 01 tháng 01 năm 2019, ông X có lập hợp đồng với ông V để cho thuê mặt bằng đối với phần đất có chiều ngang 6m, chiều dài 35m tại ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, mục đích thuê sửa X ô tô, thời hạn thuê là 03 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, giá thuê một năm là 12.000.000 đồng và được thanh toán vào đầu năm. Khi hết hạn hợp đồng nếu ông V tiếp tục thuê nữa thì lập hợp đồng mới. Trường hợp không thuê nữa thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng và ông V trả lại đất y như hiện trạng ban đầu cho ông X. Trường hợp có xảy ra điều vướng mắc thì hai bên cùng ngồi lại thương lượng không đơn phương sửa đổi hợp đồng, trường hợp bên nào sai thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông V cho rằng khi thực hiện hợp đồng đến năm thứ hai thì ông X không nhận tiền và nói rằng mặt bằng đã bán cho người khác. Do đang trong thời hạn hợp đồng nhưng ông X vi phạm nên ông V khởi kiện yêu cầu ông X bồi thường chi phí san lấp mặt bằng theo chứng thư định giá là 56.783.000 đồng; bồi thường thiệt hại do ngưng hoạt động trong hai năm cuối của hợp đồng là 360.000.000 đồng; chi phí di dời các thiết bị máy móc là 20.000.000 đồng. Ông X chỉ đồng ý bồi thường chi phí san lấp mặt bằng theo chứng thư thẩm định giá, còn các chi phí khác không đồng ý.

[3.2] Ông V kháng cáo về bồi thường thiệt hại do cơ sở của ông V ngưng hoạt động trong hai năm cuối của hợp đồng là 360.000.000 đồng. Ông V trình bày khoảng thời gian này ông V bị người lạ đến ngăn cản không cho cơ sở hoạt

động và bị cơ quan thi hành án thông báo cưỡng chế để trả nợ cho Ngân hàng nên làm ảnh hưởng đến uy tín. Nhận thấy, theo hợp đồng thuê mặt bằng ông V còn trong thời hạn thuê nhưng ngày 04 tháng 9 năm 2019 ông X chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa 454, 455, tờ bản đồ số 10, loại đất ở nông thôn tại xã Bình Hiệp (trong đó thửa 454 là mặt bằng cho thuê) cho ông Điền và bà Phương nhưng sau đó ông X, ông Điền, bà Phương cũng không có yêu cầu ông V phải tháo dỡ, di dời trả lại mặt bằng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì ông V không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc có người lạ đến ngăn cản việc hoạt động của cơ sở kinh doanh của ông V. Tại Văn bản số 262/UBND-TC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp phúc đáp cho Tòa án sơ thẩm thì không có trường hợp nào báo về việc có người lạ ngăn cản việc kinh doanh sản xuất của ông V. Ngoài ra, ngày 27 tháng 11 năm 2020 Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường có thông báo cho ông V về việc tự nguyện di dời tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án; đồng thời có Thông báo cưỡng chế thi hành án số 96/TB-THDS ngày 07 tháng 01 năm 2021 nhưng đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 đã có quyết định giải tỏa kê biên. Chi cục thi hành án cũng chưa tổ chức cưỡng chế thi hành án nên thiệt hại trực tiếp gây ra là chưa có. Mặt khác, từ khi ký hợp đồng thuê mặt bằng với ông X cho đến thời điểm kết thúc hợp đồng là ngày 01 tháng 01 năm 2022 và cho đến nay, ông V vẫn sinh sống trên thửa đất thuê. Do đó, không có căn cứ chứng minh trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, ông V bị thiệt hại do ông X gây ra nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 380.000.000 đồng (trong đó bao gồm 360.000.000 đồng tiền mất thu nhập và 20.000.000 đồng tiền di dời máy, thiết bị) là có căn cứ.

[3.3] Về chi phí tố tụng: Án sơ thẩm nhận định tổng chi phí tố tụng là 4.500.000 đồng nhưng tại phần quyết định lại buộc ông X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông V số tiền 1.500.000 đồng là chưa rõ cần sửa cách tuyên, cụ thể là buộc ông V phải chịu 3.000.000 đồng, buộc ông X phải chịu 1.500.000 đồng, do ông V đã nộp tạm ứng nên ông X có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 1.500.000 đồng. Ngoài ra án sơ thẩm tuyên về số tiền ông X phải trả cho ông V nhưng không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án là thiếu sót. Do đó, cấp phúc thẩm cần tuyên bổ sung nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của ông V như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Tuy nhiên, cần sửa bản án, tuyên bổ sung nghĩa vụ chậm thi hành án và sửa cách tuyên về chi phí tố tụng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông V phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Quốc V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Các Điều 472, 477, 478, 481, 482 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc V đối với ông Chương X về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Buộc ông Chương X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Quốc V số tiền san lấp mặt bằng là 56.783.000 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc V đối với ông Chương X về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, đối với số tiền mất thu nhập 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) và chi phí di dời máy, thiết bị là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Quốc V phải chịu 3.000.000 đồng (đã nộp xong). Buộc ông Chương X phải chịu 1.500.000 đồng. Do ông Phạm Quốc V đã nộp tạm ứng nên buộc ông Chương X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Quốc V số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Quốc V phải phải chịu số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Quốc V đã nộp là 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009609 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông Phạm Quốc V còn phải tiếp tục nộp số tiền là 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc Chương X phải chịu 2.839.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Phạm Quốc V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Quốc V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000600 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An (đã nộp xong).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyên